

Bài 9. NHẬT BẢN

Tiết 2. Các ngành kinh tế và các vùng kinh tế

I. Các ngành kinh tế

1. Công nghiệp

- Giá trị sản lượng đứng thứ hai trên thế giới sau Hoa Kỳ.
- Ngành công nghiệp sử dụng gần 30% dân số hoạt động và chiếm khoảng 30% tổng thu nhập quốc dân.
- Nhật Bản chiếm vị trí cao một số ngành công nghiệp: sản xuất máy công nghiệp và thiết bị điện tử, người máy, tàu biển, thép, ô tô, vô tuyến truyền hình, máy ảnh, sản phẩm tơ tằm và tơ sợi tổng hợp, giấy in báo...
- Một số ngành công nghiệp quan trọng:
 - + Công nghiệp chế tạo: chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu, với các sản phẩm nổi bật: ô tô 25% sản lượng thế giới, xe gắn máy 60 % sản lượng thế giới, tàu biển 40% sản lượng thế giới. Các hãng nổi tiếng Mit-su-si-bi, Hi-ta-chi, To-yo-ta, su-zu-ki....
 - + Sản xuất điện tử: là ngành công nghiệp mũi nhọn với các sản phẩm nổi bật: tin học, vi mạch và chất bán dẫn, vật liệu truyền thông và rô bốt. Trong đó vi mạch và chất bán dẫn đứng đầu thế giới, vật liệu truyền thông đứng thứ 2 thế giới, chiếm khoảng 60% tổng số rô bốt của thế giới. Các hãng nổi tiếng Hi-ta-chi, To-si-ba, So-ny, Ni-pon, E-lec-tric.....
 - + Ngành xây dựng và công trình công cộng, trong đó các công trình giao thông công nghiệp chiếm khoảng 20% giá trị thu nhập của công nghiệp, đáp ứng việc xây dựng các công trình với kỹ thuật cao.
 - + Công nghiệp dệt vẫn được chú trọng phát triển.
- Mức độ tập trung công nghiệp cao với các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn, nhiều dải công nghiệp. các trung tâm công nghiệp chủ yếu tập trung ở ven biển, đặc biệt phái Thái Bình Dương.

2. Dịch vụ

- Là ngành kinh tế đặc biệt quan trọng chiếm 68% giá trị GDP (2004). Thương mại, tài chính có vai trò hết sức quan trọng.
- Thương mại: đứng thứ tư trên thế giới (sau Hoa Kỳ, CHLB Đức, Trung Quốc), thị trường rộng lớn, quan trọng nhất là Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Đông Nam Á, Ô-xtrây-li-a. Ngành tài chính, ngân hàng đứng đầu trên thế giới, đầu tư ra nước ngoài nhiều
- Giao thông vận tải biển: đứng thứ ba trên thế giới, các siêu cảng: Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tôkiô, Ôxaca.

3. Nông nghiệp

- Giữ vai trò thứ yếu, tỉ trọng nông nghiệp chiếm 1% trong GDP do diện tích đất nông nghiệp ít, phát triển theo hướng thâm canh.
- Một số sản phẩm nông nghiệp quan trọng:

- + Lúa gạo: là cây trồng chính, chiếm 50% diện tích canh tác, gần đây giảm do chuyển sang trồng cây khác.
- + Cây công nghiệp: chè, thuốc lá, dâu tằm cũng phổ biến ở Nhật.
- + Chăn nuôi: chủ yếu là bò, lợn, gà được nuôi theo các phương pháp tiên tiến trong các trang trại.
- + Ngành đánh bắt cá và nuôi trồng hải sản phát triển do có các ngư trường lớn, nhiều vùng vịnh.

II. Các ngành kinh tế: Các em tự học

BÀI 10: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA(TRUNG QUỐC)

Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội

- * Diện tích: 9572,8 nghìn km²
- * Dân số: 1303,7 triệu người (2005)
- * Thủ đô: Bắc Kinh

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LÃNH THỔ:

1. Vị trí:

- Tọa độ từ khoảng 20⁰B - 53⁰B, 73⁰Đ - 135⁰Đ
- Nằm phía Đông của châu Á, tiếp giáp với 14 nước trên lục địa. Gần Nhật Bản, Hàn Quốc, ĐNÁ.
- Phía Đông tiếp giáp với Thái Bình Dương.

* Ý nghĩa: + Nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động. Dễ dàng mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới bằng đường bộ và đường biển.

+ Khó khăn: Quản lý đất nước.

2. Lãnh thổ:

Diện tích 9,57 triệu km², lớn thứ 4 thế giới.

- Lãnh thổ trải dài trên nhiều kinh, vĩ tuyến. Gồm 21 tỉnh và 5 khu tự trị.

* Ý nghĩa:

Cảnh quan thiên nhiên đa dạng, đặc sắc

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

- Thiên nhiên đa dạng có sự phân hoá giữa miền Tây và miền Đông Trung Quốc:

Thiên nhiên phân hóa giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc

So sánh	Miền Đông	Miền Tây
Giới hạn	Từ KT 105 ⁰ Đ về phía TBD	Từ KT 105 ⁰ Đ về phía Tây
Địa hình	Chủ yếu là đồng bằng lớn, màu mỡ:	Là vùng núi, cao nguyên đồ sộ xen

	Đông bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung...	lấn bờn địa.
Khí hậu	Cận nhiệt gió mùa đến ôn đới gió mùa, có sự phân hóa B-N, lượng mưa lớn	Ôn đới lục địa khắc nghiệt, mưa ít.
Sông ngòi	Là trung và hạ lưu của các con sông lớn, nhiều nước, giàu phù sa: Hoàng Hà, Trường Giang...	Ít sông, thượng nguồn của các dòng sông, sông dốc, nhiều thác ghềnh.
Tài nguyên	- Đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú, khí hậu ôn hòa... - Giàu tài ng K/sản: quặng sắt, KL màu, than, dầu mỏ...	- Có giá trị lớn về thủy điện - Diện tích rừng, đồng cỏ lớn - Giàu K/sản: dầu mỏ, khí đốt, đồng...
Thuận lợi	Phát triển nền kinh tế đa dạng, dân cư sinh sống	Phát triển CN, chăn nuôi
Khó khăn	Nhiều bão, lụt (nhất là đồng bằng Hoa Nam).	Khí hậu khô hạn, địa hình hiểm trở, GTVT khó phát triển.

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI:

1. Dân cư:

*Đặc điểm dân cư:

- Dân số đông nhất thế giới (chiếm 1/5 dân số thế giới).
- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm (năm 2005 còn 0,6%) nhưng số người tăng hàng năm vẫn nhiều.
- Có thành phần dân tộc đa dạng (chủ yếu là người Hán).
- Tỷ lệ dân thành thị tăng nhanh (năm 2005 chiếm 37%)

*Phân bố dân cư:

- Dân cư phân bố không đồng đều:
- + Dân cư tập trung đông ở miền Đông, miền Tây thưa thớt.
- + 63% dân số sống ở nông thôn, dân thành thị chiếm 37%.
- =>Miền Đông: Thiếu việc làm, thiếu nhà ở, môi trường bị ô nhiễm. Miền Tây thiếu lao động trầm trọng.

* **Thuận lợi:** Nguồn lao động dồi dào, giá công nhân rẻ, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

* **Khó khăn:** Gánh nặng cho kinh tế, thất nghiệp, chất lượng cuộc sống chưa cao, ô nhiễm môi trường.

* **Giải pháp:** Vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số KHHGD, xuất khẩu lao động.

2. Xã hội:

- Một quốc gia có nền văn minh lâu đời, một số phát minh nổi bật như lụa tơ tằm, chữ viết, la bàn, làm giấy, kỹ thuật in, gốm sứ, thuốc súng.

- Chú trọng phát triển giáo dục: Tỷ lệ người biết chữ từ 15 tuổi trở lên gần 90% (2005), đội ngũ có chất lượng cao.

BÀI 10: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA(TRUNG QUỐC)

Tiết 2: Kinh tế

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

- Trung Quốc tiến hành đổi mới năm 1978
- * Thành tựu:
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới (TB 8% /năm).
- Tổng GDP cao (Đứng thứ 7 thế giới năm 2004).
- Thu nhập bình quân theo đầu người tăng (Từ 276 USD năm 1985 lên 2025 USD năm 2009)
- Cơ cấu kinh tế có nhiều chuyển biến.
- Đời sống của nhân dân được cải thiện (thu nhập bình quân đầu người tăng)

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1.Công nghiệp:

a. Điều kiện phát triển công nghiệp.

- Tự nhiên.
- Kinh tế - xã hội.

b. Chiến lược phát triển công nghiệp:

- Thiết lập cơ chế thị trường => các nhà máy chủ động lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ.
- Thực hiện chính sách mở cửa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng các khu chế xuất.
- Hiện đại hoá trang thiết bị, ứng dụng KHCN mới.
- Tập trung vào các ngành có khả năng sinh lời cao. (5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, SX ô tô và xây dựng)

b. Thành tựu của sản xuất công nghiệp:

- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng; Luyện kim, hoá chất, điện tử, hoá dầu, sản xuất ô tô....
- Sản lượng nhiều ngành công nghiệp đứng đầu thế giới: (Than, xi măng, thép, phân bón, sản xuất điện)
- Sản lượng các sản phẩm CN tăng nhanh
- Sự phát triển của các ngành CN kĩ thuật cao.
- Phát triển các ngành CN địa phương

c. Phân bố:

Các trung tâm công nghiệp chủ yếu tập trung ở miền Đông và dọc ven biển tại các thành phố lớn.

- Công nghiệp Trung Quốc đang mở rộng sang miền Tây.

2. Nông nghiệp:

a. Biện pháp phát triển nông nghiệp:

- Giao quyền sử dụng đất và khoán sản phẩm cho nông dân.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn: Đường giao thông, hệ thống thủy lợi.
- Khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn.
- Áp dụng KHKT vào sản xuất nông nghiệp, sử dụng giống mới, máy móc thiết bị hiện đại.

b. Thành tựu của sản xuất nông nghiệp:

- Một số sản phẩm nông nghiệp đứng đầu thế giới: Lương thực, bông, thịt lợn.
- Trong nông nghiệp: Trồng trọt chiếm ưu thế hơn chăn nuôi.
- Nông sản phong phú: Lúa mì, lúa gạo, ngô, khoai tây, củ cải đường, chè, mía..

c. Phân bố:

- MĐ : Có nhiều vùng NN trù phú
- MT : chủ yếu phát triển chăn nuôi gia súc lớn

III. Mối quan hệ Trung - Việt

- Quan hệ lâu đời, hợp tác trên nhiều lĩnh vực.
- Phương châm 16 chữ vàng "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai "
- Kim ngạch thương mại song phương giữa 2 nước đang ngày càng tăng nhanh.